

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 53/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 11/6/2024
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Mận.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Lê Quang Thanh và ông Phạm Văn Tiến.

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Biện Thị Uyên Nhi - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện T.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện T, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 91/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 03 năm 2024 về việc: “Ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 31 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1974;

- **Bị đơn:** Chị Đặng Thị H, sinh năm 1975;

Cùng nơi cư trú: Khu phố T, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt nhưng đều đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn – anh Nguyễn Văn T trình bày yêu cầu khởi kiện như sau:

– Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Đặng Thị H tự nguyện tìm hiểu, và đi đến hôn nhân, anh chị đã làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND phường C, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên vào năm 2008. Hai vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc với nhau trong một thời gian. Sau đó, anh T phát hiện chị H nhiều lần nhắn tin, gọi điện để tán tỉnh yêu đương với người đàn ông khác. Vì thương các con và chị H cũng nhiều lần xin anh T tha thứ nên anh T cũng bỏ qua để chung sống. Khoảng thời gian gần đây, chị H tiếp tục nói chuyện, nhắn tin qua lại với người đàn ông khác thì bị anh T phát hiện. Mặc dù chưa ly thân nhưng anh T xác nhận không còn tình cảm với chị H nữa. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nữa nên anh T muốn được ly hôn với chị H.

– Về con chung: Trong thời gian chung sống với nhau, anh T và chị H có hai người con chung là Nguyễn Văn C, sinh năm 1998 và Nguyễn Văn Đ, sinh năm 2003. Hiện nay các con chung đều đã trưởng thành và có gia đình. Vì vậy, anh T không có yêu cầu gì về con chung.

– Về tài sản chung, nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. *Bị đơn chị Đặng Thị H trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

– Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1997 nhưng đến năm 2008 mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại phường C, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Sau khi cưới thì thì vợ chồng chị H, anh T sinh sống tại thành phố Hồ Chí Minh, sau đó chuyển về sinh sống tại khu phố T, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận cho đến nay. Trong quá trình sinh sống với nhau thì chị H xác nhận giữa chị H và anh T cũng có mâu thuẫn nhưng mâu thuẫn không lớn. Tuy nhiên, sau khi anh T làm đơn ly hôn thì chị H, anh T có thoả thuận là sẽ để đơn ly hôn tại Toà án nhưng sẽ xem xét tình cảm vợ chồng như thế nào, anh T có thay đổi tính cách để vợ chồng hoà hợp hay không. Mặc dù chị H và anh T chưa ly thân, nhưng anh T đã vào thành phố Hồ Chí Minh để làm việc. Hiện nay anh T yêu cầu ly hôn thì chị H đồng ý.

– Về con chung: Trong thời gian chung sống với nhau, chị H và anh T có hai người con chung là Nguyễn Văn C, sinh năm 1998 và Nguyễn Văn Đ, sinh năm 2003. Hiện nay các con chung đều đã trưởng thành và có gia đình. Vì vậy, chị H không có yêu cầu gì về con chung.

– Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận phát biểu việc kiểm sát tuân theo pháp luật: Về thủ tục tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký tiến hành tố tụng đúng quy định; người tham gia tố tụng chấp hành pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Văn T.

Về án phí: Anh Nguyễn Văn T chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ lời khai của các đương sự, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Theo đơn khởi kiện cũng như trong quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Nguyễn Văn T yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn; Các đương sự đều không có yêu cầu nào khác; Bị đơn chị Đặng Thị H có nơi cư trú tại khu phố T, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về thủ tục tố tụng*: Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn vắng mặt nhưng đều đã có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết vụ án vắng mặt nguyên đơn – anh T và bị đơn – chị H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung*:

3.1 Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Đặng Thị H tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân ngày 30 tháng 5 năm 2008 đăng ký kết hôn tại UBND phường C, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên nên quan hệ hôn nhân của hai đương sự là hợp pháp theo quy định tại Điều 8; Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trong quá trình tố tụng cả anh T và chị H đều thừa nhận: Sau một thời gian chung sống hòa thuận hạnh phúc thì giữa anh T và chị H đã xảy ra nhiều mâu thuẫn với nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng thiếu sự tin tưởng chia sẻ lẫn nhau. Anh T cho rằng chị H có hành vi nhấn tin, nói chuyện qua lại với người đàn ông khác; chị H cho rằng anh T thường có những hành vi nghi ngờ, ghen tuông đối với chị H. Hiện tại cả anh T và chị H đều thừa nhận vợ chồng không còn tình cảm với nhau và đều có nguyện vọng được ly hôn. Do đó, yêu cầu khởi kiện ly hôn của anh T là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

3.2 Về con chung: Con chung của anh T và chị H đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

3.3 Về tài sản chung và nợ chung: Anh T và chị H đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[4] *Về án phí*: Anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T. Anh Nguyễn Văn T được ly hôn với chị Đặng Thị H.

2. *Về án phí:* Anh Nguyễn Văn T phải nộp 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí mà anh T đã nộp theo biên lai số 0005749 ngày 05 tháng 03 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Anh T đã nộp đủ tiền án phí.

3. *Về quyền kháng cáo:* Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt các đương sự; Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- Các đương sự để thi hành;
- Cc Thi hành án dân sự T;
- Ủy ban nhân dân xã C, huyện Đ,
Tỉnh Thái Nguyên;
- Lưu VP, HSVA.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Mận